TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HSST
Ngày 29 - 11 - 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Kệ - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 33/2019/TLST-HS, ngày 19 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Phan Văn Đ, sinh năm 1968, tại tỉnh C; nơi ĐKHKTT: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh C; chỗ ở hiện nay: không ổn định; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H (đã chết) và bà Đoàn Thị H (đã chết); có vợ đã ly hôn, con có 02 người; có 03 tiền án: Ngày 23/7/1996, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh C xử phạt 24 tháng tù về các tội "Trộm cắp tài sản công dân" và "Trốn khỏi nơi giam" theo khoản 1 Điều 155 và khoản 1 Điều 245 của Bộ luật Hình sự năm 1985, chấp hành xong hình phạt ngày 01/8/1997; ngày 23/10/1998, bị Tòa án nhân dân tỉnh C xử phạt 5 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân" theo khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự năm 1985. Chấp hành xong hình phạt nhưng chưa chấp hành án phí và thu lợi bất chính; ngày 30/3/2018, bị Tòa án nhân dân huyện U xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản

2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt ngày 14/7/2019 nhưng chưa chấp hành xong án phí; tiền sự: không có; bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/9/2019 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Đức C, sinh ngày 01/01/1978; tại tỉnh C; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C; nghề nghiệp: làm vuông; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc D (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); vợ là Đỗ Hồng C và có 07 người con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn Đ đã bị kết án nhiều lần, đã tái phạm nguy hiểm chưa xóa án tích, vào ngày 10/9/2019, Định tiếp tục có hành vi lén lút lấy trộm 01 tivi hiệu Samsung LED 49 in màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen bàn phím và 01 đèn pin của chị Lê Thị N trị giá 9.656.302 đồng. Mặc dù biết rõ tivi do Định phạm tội mà có nhưng Huỳnh Đức C vẫn mua với giá 4.000.000 đồng để sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 24/KL-HĐĐG ngày 13/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Tân kết luận là 01 tivi hiệu Samsung LED 49 inch màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen bàn phím và 01 đèn pin trị giá 9.656.302 đồng.

Tại Cáo trạng số: 33/CT-VKS, ngày 18/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố Phan Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố Huỳnh Đức C về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị đối với từng bị cáo, cụ thể như sau: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phan Văn Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Đức C phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s

khoản 1 Điều 51; Điều 100 của Bộ luật Hình sự đề nghị phạt bị cáo Huỳnh Đức C với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Huỳnh Đức C, đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, yêu cầu được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại xác định tivi (kèm theo remote) và điện thoại đã giao trả cho bị hại, còn đèn pin và sim qua điều tra không thu thập được, bị hại không yêu cầu bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2]. Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, đánh giá chứng cứ, chứng minh là phù hợp với quy định của pháp luật trong quá trình điều tra cũng như quá trình truy tố đủ điều kiện để đưa ra xét xử đối với các bị cáo.

Qua xem xét toàn bộ nội dung vụ án, cho thấy: Vào khoảng 00 giờ ngày 10/9/2019, Đ đi bộ ngang nhà chị Lê Thị N thuộc ấp T, xã T, huyện P phát hiện nhà không khóa cửa nên nảy sinh ý định vào nhà lấy trộm tài sản. Định đi vào nhà đến chỗ chị N đang nằm ngủ lấy 01 đèn pin, 01 cái remote điều khiển tivi và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen bàn phím bỏ vào túi quần, sau đó tiếp tục đến tháo dây điện lấy tivi hiệu Samsung LED 49 inch màu đen rồi đem ra ngoài. Sau khi lấy trộm được tài sản Đ tháo sim trong điện thoại trộm được vứt xuống sông và lấy sim của mình thay vào để sử dụng, sau đó đem tài sản trộm được đi cất giấu ngoài bờ vuông thuộc ấp C, xã T và điện thoại cho Huỳnh Đức C kêu bán tivi vừa trộm được, C biết rõ tivi do Định phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 4.000.000 đồng nhưng chưa trả tiền. Khoảng 18 giờ cùng ngày, C cùng vợ là Đỗ Hồng C chạy vỏ máy đến lấy tivi đem về nhà sử dụng. Đến ngày 11/9/2019, Công an huyện P đến kiểm tra nhà C phát hiện và thu giữ tivi, sau đó mời Đ và C làm việc và cả hai đã thừa nhận hành vi phạm tội.

[3]. Xét về hành vi: Tại biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và tang vật vụ án cho thấy bị cáo Định lợi dụng lúc

đêm khuya, cửa nhà không khóa và sơ hở trong việc quản lý tài sản nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Cụ thể lấy 01 đèn pin, 01 điều khiển tivi và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen bàn phím, sau đó tiếp tục đến tháo dây điện lấy tivi hiệu Samsung LED 49 in màu đen. Bị cáo Định đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đều dưới 50 triệu đồng nhưng trước đó bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng được chưa xóa án tích nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Đồng thời, bị cáo chưa xóa án tích mà đã phạm vào tội trộm cắp tài sản nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm.

Đối với bị cáo C tuy không hứa hẹn trước mà tiêu thụ tài sản biết rõ bị cáo Đ phạm tội mà có nhưng vẫn mua tài sản là chiếc tivi với giá 4.000.000 đồng. Bị cáo vì muốn lợi ích bản thân, muốn mua đồ giá rẻ để tiêu sài mà thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo đủ tuổi luật định, quá trình hoạt động nhận thức diễn ra bình thường và đủ điều kiện chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự do đó các bị can phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình gây ra. Khi thực hiện hành vi các bị cáo đủ tuổi luật định, nhận thức diễn ra bình thường. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự, nay vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo.

Qua phân tích và nhận định như trên, luận tội của Kiểm sát viên xác định hành vi của các bị cáo có tội là có cơ sở công nhận và trên cơ sở đó có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo C đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội danh Điều luật quy định.

Xét về tính chất và mức độ của hành vi cho thấy, ngoài việc trộm cắp tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, bị cáo còn gây ra dư luận xấu trong xã hội, gây mất an ninh và trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Nay cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Từ đó, có điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Qua đó, cũng nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm cho xã hội.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Cụ thể như sau:

Bị cáo Đ có nhân thân xấu; ngoài lần phạm tội này bị cáo có 03 tiền án: Ngày 23/7/1996, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh C xử phạt 24 tháng tù về các tội "Trộm cắp tài sản công dân" và "Trốn khỏi nơi giam" theo khoản 1 Điều 155 và khoản 1 Điều 245 của Bộ luật Hình sự năm 1985, chấp hành xong hình phạt ngày 01/8/1997; ngày 23/10/1998, bị Tòa án nhân dân tỉnh C xử phạt 5 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân" theo khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự năm 1985. Chấp hành xong hình phạt nhưng chưa chấp hành án phí và thu lợi bất chính; ngày 30/3/2018, bị Tòa án nhân dân huyện U xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt ngày 14/7/2019 nhưng chưa chấp hành xong án phí. Qua đó cho thấy bị cáo có thái độ xem thường pháp luật, không ăn năn hối cải, không tu dưỡng rèn luyện phẩm chất đạo đức để trở thành người công dân tốt. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo. Tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên và giảm 01 phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Đối với bị cáo C có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Xét thấy, không cần áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng bảo đảm được tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Đồng thời, cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tự cải tạo, sửa chữa trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5]. Bị cáo Huỳnh Đức C có thu nhập không ổn định nên áp dụng khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự để miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản mà bị cáo lấy trộm, bị hại là bà Lê Thị N đã nhận lại được, riêng đèn pin và sim đã bị mất không thu hồi được nên bà không đề nghị xử lý về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xử lý.

[7]. Vật chứng vụ án:

- 01 sim vinaphone, số thuê bao 0918535709, các số trên sim 898402000 10909900581 của bị cáo Đ. Xét thấy, đây là sim số bị cáo dùng để liên lạc cho bị cáo C để bán tài sản trộm được nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S, màu trắng - bạc, số IMEI 1: 863632031592633, IMEI 2: 863632031592625, bên trong có 01 sim vinaphone số

thuê bao 0848446858, các số trên sim 8984020001 0772557799 của bị cáo C không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[8]. Qua xem xét toàn bộ nội dung vụ án, xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

[9]. Đối với Đỗ Hồng C có đi chung với Huỳnh Đức C để mua tivi của Đ nhưng C không biết tài sản do Đ phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[10]. Về án phí sơ thẩm hình sự, các bị cáo Phan Văn Đ, Huỳnh Đức C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Phan Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Phạt bị cáo Phan Văn Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/9/2019.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 100 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Đức C phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Phạt bị cáo Huỳnh Đức C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Huỳnh Đức C cho Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo Huỳnh Đức C có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về khấu trừ thu nhập: Áp dụng khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Huỳnh Đức C.

3. Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Phan Văn Đ và Huỳnh Đức C.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim vinaphone, số thuê bao 0918535709, các số trên sim 898402000 10909900581 của bị cáo Phan Văn Đ.

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Đức C 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S, màu trắng - bạc, số IMEI 1: 863632031592633, IMEI 2: 863632031592625, bên trong có 01 sim vinaphone số thuê bao 0848446858, các số trên sim 8984020001 0772557799.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phan Văn Đ, Huỳnh Đức C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Công an huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);
- Bị cáo (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

Nguyễn Thành Phước